

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 17/2020/DS-ST

Ngày 03-7-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Tài

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Anh

2. Ông Nguyễn Xuân Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2020/TLST-DS ngày 02/01/2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Đại diện theo pháp luật: Ông Th – Tổng giám đốc

Địa chỉ: Số 02 L, quận Đ, thành phố N.

Đại diện theo ủy quyền: ông T – Giám đốc chi nhánh Ngân hàng B – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ d, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh N

Bị đơn: ông P, sinh năm: 1955 và bà N, sinh năm 1955 – đều vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-6-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày: Ông P và bà N vay vốn tại Ngân hàng A theo Hợp đồng tín dụng số NH509/08 ngày 24-9-2008. Số tiền vay 80.000.000 đồng, mục đích vay chăm sóc cà phê kinh doanh, thời hạn vay 05 tháng, ngày đến hạn 10-02-2009, lãi suất áp dụng thời điểm hiện tại là 1,66%/01 tháng.

Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm bằng biện pháp thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số AM 570601 do UBND huyện L cấp ngày 07-5-2008, thửa đất số 161, tờ bản đồ số 21, diện tích đất 24820m² và tài sản gắn liền trên đất, tọa lạc tại tổ 7, thị trấn Đ, huyện L theo hợp đồng thế chấp số NH 509/08/TC ký kết ngày 24-9-2008 giữa Ngân hàng A với ông P và bà N. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm thế chấp là 280.610.000.000 đồng. Tài sản thế chấp được đăng ký thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Khoản vay trên đã quá hạn, việc nhắc nhở thu hồi nợ không có kết quả và ông P và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng A, vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Nay đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông P và bà N phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, tổng số tiền là 362.487.700 đồng (trong đó, tiền gốc: 80.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 03-7-2020 là 282.487.700 đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng được tính tiếp từ ngày 04-7-2020 cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp không ông P và bà N không thực hiện thì phía Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với ông P và bà N là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh thì được biết ông P và bà N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, huyện L, tỉnh N từ năm 2007, đến khoảng 4 năm 2014 thì ông P và bà N đã bỏ đi khỏi địa phương và không thông báo nên chính quyền địa phương không biết ông P và bà N đi đâu làm gì. Ngày 23-12-2014 Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp ban hành quyết định số 09/2014/QĐ-GQVDS về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông P và bà N và ngày 02-7-2020 Công an xã T, huyện L cung cấp hộ ông P gồm có: ông P và bà N. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và theo quy định của pháp luật nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với ông P và bà N là bị đơn trong vụ án đã bỏ nhà đi khỏi địa phương nên Tòa án xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và xét xử vắng mặt là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì Hợp đồng tín dụng số NH509/08 ngày 24-9-2008 giữa Ngân hàng A với ông P và bà N ký kết với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của pháp luật. Để các hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm thì ông P và bà N đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số AM 570601 do UBND huyện L cấp ngày 07-5-2008, thửa đất số 161, tờ bản đồ số 21, diện tích đất 24820m² và tài sản gắn liền trên đất, tọa lạc tại tổ 7, thị trấn Đ, huyện L theo hợp đồng thế chấp số NH 509/08/TC ký kết ngày

24-9-2008 giữa Ngân hàng Nông A với ông P và bà N, được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực vào hợp đồng thế chấp và có đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh N ngày 24-9-2008. Như vậy 02 hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã nêu trên là hợp pháp theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật. ông P và bà N không thực hiện nghĩa vụ theo các hợp đồng đã ký kết nên đã vi phạm các hợp đồng đối với Ngân hàng A.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 200, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông P và bà N phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, tổng số tiền là 362.487.700 đồng (trong đó, tiền gốc: 80.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 03-7-2020 là 282.487.700 đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng được tính tiếp từ ngày 04-7-2020 cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số NH509/08 ngày 24-9-2008.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền là ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với ông P và bà N là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh thì được biết ông P và bà N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, huyện L, tỉnh N từ năm 2007, đến khoảng 4 năm 2014 thì ông P và bà N đã bỏ đi khỏi địa phương và không thông báo nên chính quyền địa phương không biết ông P và bà N đi đâu làm gì. Ngày 23-12-2014 Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp ban hành quyết định số 09/2014/QĐ-GQVDS về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông P và bà N và ngày 02-7-2020 Công an xã T, huyện L cung cấp hộ ông P gồm có: ông P và bà N. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và theo quy định của pháp luật nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. “*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy*

định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: ông P và bà N là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, huyện L, tỉnh N từ năm 2007 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông là nơi bị đơn cư trú, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật đang có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp hợp đồng tín dụng (tranh chấp hợp đồng dân sự) quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung vụ án: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp buộc ông P và bà N phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, tổng số tiền là 362.487.700 đồng (trong đó, tiền gốc: 80.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 03-7-2020 là 282.487.700 đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng được tính tiếp từ ngày 04-7-2020 cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số NH509/08 ngày 24-9-2008, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng tín dụng số NH509/08 ngày 24-9-2008 giữa Ngân hàng A với ông P và bà N ký kết với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của pháp luật. Để hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm thì ông P và bà N đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số AM 570601 do UBND huyện Đắk cấp ngày 07-5-2008, thửa đất số 161, tờ bản đồ số 21, diện tích đất 24820m² và tài sản gắn liền trên đất, tọa lạc tại tổ 7, thị trấn Đ, huyện L theo hợp đồng thế chấp số NH 509/08/TC ký kết ngày 24-9-2008 giữa Ngân hàng A với ông P và bà N, được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực vào hợp đồng thế chấp và có đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh N ngày 24-9-2008. Như vậy 02 hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã nêu trên là hợp pháp theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật.

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng số NH509/08 ngày 24-9-2008 thì ông P và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi suất cho Ngân hàng theo điều khoản đã được ký kết trong hợp đồng nên đã quá hạn trả nợ. Như vậy ông P và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng đối với Ngân hàng, số liệu tính đến ngày 03-7-2020 tổng số tiền là 362.487.700 đồng (trong đó, tiền gốc: 80.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 03-7-2020 là 282.487.700 đồng) và lãi suất phát sinh được tính tiếp từ ngày 04-7-2020 cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số NH509/08 ngày 24-9-2008.

[5]. Đối với ông P và bà N là bị đơn trong vụ án đều vắng mặt. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và theo quy định của pháp luật nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[7]. Từ những nhận định trên cho thấy Ngân hàng A buộc ông P và bà N phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi, tổng số tiền là 362.487.700 đồng (trong đó, tiền gốc: 80.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 03-7-2020 là 282.487.700 đồng) và lãi suất phát sinh được tính tiếp từ ngày 04-7-2020 cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số NH509/08 ngày 24-9-2008 là có căn cứ cần chấp nhận.

Ngân hàng A phải trả lại cho ông P và bà N các tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng thế chấp số NH 509/08/TC ký kết ngày 24-9-2008 ngay sau khi ông P và bà N thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng A.

Trường hợp ông P và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số NH 509/08/TC ký kết ngày 24-9-2008 để thu nợ. Khi xử lý tài sản thế chấp thì ông P và bà N được ưu tiên mua nếu có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

[8]. Về chi phí: Xét tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ Ngân hàng A đã tạm ứng số tiền là 3.500.000 đồng theo phiếu thu ngày 27-3-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, đã chi phí hết 1.500.000 đồng. Do yêu cầu của Ngân hàng A được chấp nhận nên cần buộc ông P và bà N phải hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền là 1.500.000 đồng. Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng chi phí còn thừa là 2.000.000 đồng.

[9]. Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng A được chấp nhận toàn bộ nên buộc ông P và bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật trên số tiền 362.487.700 đồng x 5% = 18.124.385 đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông P và bà N.

Buộc ông P và bà N phải trả cho Ngân hàng A toàn bộ nợ gốc và lãi tổng số tiền là 362.487.700 đồng (trong đó, tiền gốc: 80.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 03-7-2020 là 282.487.700 đồng) và lãi suất phát sinh được tính tiếp từ ngày 04-7-2020 cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số NH509/08 ngày 24-9-2008.

Ngân hàng A phải trả lại cho ông P và bà N các tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng thế chấp số NH 509/08/TC ký kết ngày 24-9-2008 ngay sau khi ông P và bà N thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng A.

Trường hợp ông P và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số NH 509/08/TC ký kết ngày 24-9-2008 để thu nợ. Khi xử lý tài sản thế chấp thì ông P và bà N được ưu tiên mua nếu có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông P và bà N phải hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền là 1.500.000 đồng. Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng chi phí còn thừa là 2.000.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc ông P và bà N phải nộp 18.124.385 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003234 ngày 31-12-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh N.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- CC THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đoàn Công Tài